

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2021/HS-PT
Ngày: 22-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng

Các Thẩm phán: Ông Dương Ngọc Thành

Ông Trần Văn Quán

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Dương Phát - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 86/2021/TLPT-HS ngày 20 tháng 7 năm 2021 do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hoàng V, Lê Minh H, Võ Thành T, Nguyễn Văn H1, Lê Tấn D, Phạm Võ K, Trần H3, Trần Thanh B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2021/HS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn Hoàng V (tên gọi khác V Gà), sinh năm 1982, nơi sinh: Xã P, huyện C, tỉnh Long An; nơi cư trú: Ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Nuôi tôm; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1954 và bà Hồ Thị T1, sinh năm 1956; có vợ tên là Huỳnh Thị Q, sinh năm 1995 và có 02 người con, sinh năm 2010 và năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 12/7/2019, bị Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An, xử phạt hành chính số tiền 7.500.000 đồng, về hành vi “Tổ chức hoạt động cá cược ăn tiền trái phép”, đã chấp hành xong ngày 26/7/2019. Nhân thân: Ngày 25/6/2003, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt 04 (bốn) năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/5/2006; Ngày 04/8/2014, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An, xử phạt 02 năm 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 03/02/2016. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/6/2020 đến ngày 22/9/2020, có mặt.

2. Lê Minh H (tên gọi khác là T2), sinh năm 1983, nơi sinh: Xã P, huyện C, tỉnh Long An; nơi cư trú: Ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Ngọc B1, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1959; có vợ tên là Nguyễn Thị Ngọc H5, sinh năm 1985 và có 02 người con, sinh năm 2009 và 2012; tiền án: không; tiền sự: Ngày 14/02/2020, Công an xã P, huyện C, xử phạt hành chính số tiền 750.000 đồng, về hành vi “Tụ tập nhiều người ở nơi công cộng làm mất trật tự công cộng”, đã chấp hành xong ngày 14/02/2020; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/6/2020 đến ngày 22/9/2020, có mặt.

3. Võ Thành T, sinh năm 1995, nơi sinh: Xã P, huyện C, tỉnh Long An; nơi cư trú: Ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Võ Tấn N, sinh năm 1966 và bà Hồ Thị Tuyết L, sinh năm 1966; chưa có vợ, con; tiền án: Không có; tiền sự: Ngày 01/12/2016, bị Tòa án nhân dân huyện C, áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã chấp hành xong ngày 07/12/2018; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/6/2020 đến ngày 22/9/2020, vắng mặt.

4. Nguyễn Văn H1, sinh năm 1978, nơi sinh: Xã P, huyện C, tỉnh Long An; nơi cư trú: Ấp 1, xã P, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1935 và bà Đặng Thị B2, sinh năm 1946; có vợ tên là Trần Thị N1, sinh năm 1981 và có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 13/9/2019, Công an xã P, xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng, về hành vi “Đánh bạc trái phép”, đã chấp hành xong ngày 23/9/2019; nhân thân: Ngày 27/5/2003, bị Tòa án nhân dân tỉnh Long An, xử phạt 09 tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đã chấp hành xong ngày 27/02/2004, đã xóa án tích; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/6/2020 đến ngày 22/9/2020, có mặt.

5. Lê Tấn D, sinh năm 1982, nơi sinh tại xã P, huyện C, tỉnh Long An; nơi cư trú: Ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn L1 (đã chết) và bà Đỗ Thị B3, sinh năm 1958; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: Ngày 04/11/2019, Công an xã P, xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng, về hành vi “Đánh bạc trái phép”, đã chấp hành xong ngày 25/11/2019; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/6/2020 đến ngày 22/9/2020, có mặt.

6. Phạm Võ K, sinh năm 1978, nơi sinh tại xã P, huyện C, tỉnh Long An; nơi cư trú: Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Ngọc L2, sinh năm 1940 và bà Võ Thị L3, sinh năm 1941; có vợ tên là Nguyễn

Thị Cẩm D1 (đã chết) và có 01 người con, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 12/7/2006, Ủy ban nhân dân huyện C, ra quyết định đưa vào Trung tâm giáo dục lao động xã hội tỉnh Long An, thời hạn 24 tháng, về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, chấp hành quyết định được 02 tháng thì bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, khởi tố, bắt tạm giam về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 25/12/2007, bị Tòa án nhân dân huyện C, Long An, xử phạt 01 (một) năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/6/2008, đã xóa án tích; Ngày 05/11/2008, Ủy ban nhân dân huyện C, ra quyết định đưa vào Trung tâm giáo dục lao động xã hội tỉnh Long An, thời hạn 24 tháng, về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, chấp hành quyết định được 09 tháng thì bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, khởi tố, bắt tạm giam về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Ngày 12/01/2010, bị Tòa án nhân dân huyện C, Long An, xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/01/2011, đã xóa án tích. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/6/2020 đến ngày 22/9/2020, có mặt.

7. Trần H3, sinh năm 1977; nơi sinh: Xã Đ, huyện C, tỉnh Long An; nơi cư trú: Ấp B4, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn K1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Hồng N2, sinh năm 1949; có vợ tên là Phan Thị Thùy L4, sinh năm 1982 và có 02 người con, sinh năm 2001 và năm 2008; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 16/6/2020, Công an xã P, xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng, về hành vi “Đánh bạc trái phép”, đã chấp hành xong ngày 18/6/2020; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/6/2020 đến ngày 22/9/2020, có mặt.

8. Trần Thanh B, sinh năm 1990, nơi sinh tại xã P, huyện C, tỉnh Long An; nơi cư trú: Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn N3, sinh năm 1934 và bà Biện Thị B5, sinh năm 1948; có vợ tên là Huỳnh Thị Trúc P1, sinh năm 1986 và có 01 người con, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 18/9/2017, Công an huyện C, xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng, về hành vi “Đánh bạc trái phép”, đã chấp hành xong; Ngày 22/10/2018, Công an huyện C, xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng, về hành vi “Đánh bạc trái phép”, đã chấp hành xong ngày 23/10/2018. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/6/2020 đến ngày 22/9/2020, có mặt.

Ngoài ra còn có 05 bị cáo khác là Trần Quốc T3, Phan Tấn C2, Nguyễn Minh H6, Võ L5 và Lê Xuân V không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị không triệu tập.

Những người tham gia tố tụng khác không có liên quan đến kháng cáo không triệu tập:

Người làm chứng: Nguyễn Văn T4, sinh năm: 1982. Địa chỉ: ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 18/4/2020, Nguyễn Hoàng V và Lê Minh H dùng điện thoại rủ rê, lôi kéo một số đối tượng đến chòi lá bỏ hoang thuộc ấp 2, xã P, huyện C tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền để thu tiền xâu. Đồng thời, V và H còn thuê Võ Thành T phụ giúp việc mua nước uống, thuốc lá cho các con bạc và phụ lấy tiền xâu. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, Hoàng V và H bắt đầu tổ chức đánh bài ăn tiền. Lúc đầu, có 06 người tham gia đánh bạc gồm: Nguyễn Hoàng V, Phạm Võ K, Lê Xuân V, Phan Tấn C2, Trần H3 và Nguyễn Văn H1 chơi chung 01 tụ. Sau đó, có thêm 05 người nữa tham gia gồm: Trần Quốc T3, Trần Thanh B, Nguyễn Minh H6 đến tham gia ngồi tụ và Võ L5, Lê Tấn D tham gia ăn có. Khi B và H6 vào chơi thì Hoàng V ra nghỉ; Xuân V không ngồi tụ mà tham gia “ăn có”; Lê Minh H vào ngồi tụ chơi giùm cho H6. Hình thức đánh bạc là chơi bài cào 03 lá, làm cái xoay vòng mỗi người 01 cây, mỗi tụ đặt thấp nhất là 200.000 đồng và cao nhất là 1.000.000 đồng. Nếu làm cái thắng thì xâu từ 20.000 đồng đến 100.000 đồng, lúc đầu do H thu tiền xâu, sau đó thì H giao lại cho Võ Thành T thu tiền xâu. Đến 00 giờ 50 phút ngày 19/4/2020, lực lượng Công an huyện C bắt quả tang và tạm giữ tang vật gồm số tiền 4.500.000 đồng trên CH1 bạc và 20 bộ bài tây.

Quá trình điều tra, Nguyễn Hoàng V và Lê Minh H khai nhận bắt đầu tổ chức đánh bạc từ đầu tháng 02/2020 đến trước ngày bị bắt khoảng 20 lần, tại các địa điểm nhà của H và các chòi tôm bỏ hoang thuộc ấp 2, xã P, huyện C, số tiền thu lợi bất chính 20.000.000 đồng, chia đều mỗi người 10.000.000 đồng; Võ Thành T khai nhận đã giúp cho V và H trong việc tổ chức đánh bạc khoảng 05 lần, thu lợi 750.000 đồng. Trong đêm 18/4/2020 rạng sáng ngày 19/4/2020, xác định được Hoàng V, H và T tổ chức đánh bạc cho 12 đối tượng tham gia với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 22.400.000 đồng, cụ thể như sau: Nguyễn Hoàng V tham gia đánh bạc 2.300.000 đồng, kết quả thua 400.000 đồng; Phạm Võ K tham gia đánh bạc 2.500.000 đồng, kết quả thua 1.500.000 đồng, bị tạm giữ 1.000.000 đồng; Lê Xuân V tham gia đánh bạc 2.000.000 đồng, kết quả thắng 700.000 đồng; Phan Tấn C2 tham gia đánh bạc 2.600.000 đồng, kết quả thua 1.600.000 đồng; Trần H3 và Nguyễn Văn H1 tham gia đánh bạc 5.000.000 đồng, trong đó Hiền 3.000.000 đồng và H1 2.000.000 đồng, kết quả thua 4.000.000 đồng, bỏ 1.000.000 đồng tại chiếc bạc; Trần Quốc T3 tham gia đánh bạc 1.500.000 đồng, kết quả thua 1.500.000 đồng; Trần Thanh B tham gia đánh bạc 2.000.000 đồng, kết quả thua 1.000.000 đồng; Nguyễn Minh H6 tham gia đánh bạc 2.800.000 đồng, kết quả thua 1.000.000 đồng; Võ L5 tham gia đánh bạc 1.100.000 đồng, kết quả thắng 400.000 đồng, bỏ tại chiếu bạc 1.500.000 đồng; Lê Tấn D tham gia đánh bạc 600.000 đồng, kết quả thua 600.000 đồng. Tổng số tiền xâu thu được là 850.000 đồng.

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C còn thu giữ: 02 chiếc chiếu; 07 điện thoại di động; 10 xe mô tô và 61.500.000 đồng trên

người các đối tượng; 2.700.000 đồng của Lê Xuân V giao nộp; 1.000.000 đồng của Trần Thanh B giao nộp và 01 điện thoại di động do Nguyễn Thanh H giao nộp; Viện kiểm sát đã thu giữ số tiền của Lê Minh H 11.500.000 đồng; của Phan Tấn C2 1.000.000 đồng và 1.600.000 đồng của Võ Thành T.

Qua điều tra xác định, 07 (bảy) xe mô tô có giấy tờ hợp pháp và 05 (năm) điện thoại di động không liên quan đến việc phạm tội nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trao trả cho các chủ sở hữu. Đối với 03 (ba) xe mô tô, gồm xe Dream biển số 17F1-5131 của Phan Tấn C2, xe mô tô Cup 82, biển số 50S-5835 của Trần H3; xe mô tô Wave, màu xanh, biển số 52Z5-1531 của Nguyễn Minh H6. Hiện tại, số xe mô tô này không có giấy tờ hợp pháp và chưa rõ nguồn gốc nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tách ra chuyển Công an huyện C tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau. Đối với 03 (ba) điện thoại di động, gồm: 01 (một) điện thoại Nokia, màu đen, số sim 0938.007.334 của Lê Minh H; 01 (một) điện thoại Nokia 1203, màu xanh, sim số 0907.814.712 của Trần H3 và 01 (một) điện thoại di động Iphone 7, màu đen, sim số 0368.166.222 của Trần Thanh B là phương tiện các bị cáo sử dụng liên lạc đánh bạc nên tiếp tục tạm giữ. Riêng 03 (ba) điện thoại của Nguyễn Hoàng V, Phan Tấn C2 và Nguyễn Văn H1 là phương tiện liên lạc phạm tội, nhưng đã bị rơi mất trong lúc bỏ chạy nên không thu hồi được.

Đối với số tiền 82.200.000 đồng, trong đó số tiền 60.500.000 đồng gồm: 52.100.000 đồng của Trần H3; 8.000.000 đồng của Lê Xuân V và 400.000 đồng của Lê Tấn D, qua điều tra xác định không dùng vào việc đánh bạc, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã giao trả cho chủ sở hữu; Còn đối với số tiền 21.700.000 đồng, gồm: 4.500.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc; 1.000.000 đồng của Phạm Võ K; 2.700.000 đồng của Lê Xuân V; 1.000.000 đồng của Trần Thanh B; 11.500.000 đồng của Lê Minh H; 1.000.000 đồng của Phan Tấn C2 là số tiền đánh bạc của các bị cáo nên tiếp tục tạm giữ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2021/HS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoàng V, Lê Minh H phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Đánh bạc”; bị cáo Võ Thành T phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Nguyễn Văn H1, Lê Tấn D, Phạm Võ K, Trần H3, Trần Thanh B, Lê Xuân V, Trần Quốc T3, Phan Tấn C2, Nguyễn Minh H6, Võ L5 phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng điểm a, c, đ khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17; 38; 50 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17; 38; 50 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng V 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, buộc bị cáo Nguyễn Hoàng V chấp hành hình phạt chung của hai tội là 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 50 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Minh H 01 (một) năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 50 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Minh H 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, buộc bị cáo Lê Minh H chấp hành hình phạt chung của hai tội là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 50; khoản 2 Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Võ Thành T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17; 38; 50 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17; 38; 50 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần H3 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 50 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Võ K 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 50 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Tấn D 06 (sáu) tháng tù.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh B 07 (bảy) tháng tù.

Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17; 35; 50 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc T3 số tiền 20.000.000 đồng;

Xử phạt bị cáo Võ L5 số tiền 20.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh H6 số tiền 25.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 35; 50 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Xuân V số tiền 22.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Phan Tấn C2 số tiền 25.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, bị cáo Nguyễn Văn H1 kháng cáo đề nghị được hưởng án treo.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, bị cáo Võ Thành T kháng cáo đề nghị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo.

Ngày 15 tháng 5 năm 2021, bị cáo Trần H3 kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và được hưởng án treo.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, bị cáo Lê Minh H và Phạm Võ K kháng cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, bị cáo Nguyễn Thanh B kháng cáo đề nghị áp dụng hình phạt tiền hoặc cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, bị cáo Nguyễn Hoàng V kháng cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, bị cáo Nguyễn Tấn D kháng cáo đề nghị áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo Nguyễn Hoàng V, Lê Minh H, Võ Thành T, Nguyễn Văn H1, Lê Tấn D, Phạm Võ K, Trần H3, Trần Thanh B đều thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như cấp sơ thẩm đã xét xử và xác định Tòa án sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Hoàng V, Lê Minh H và Võ Thành T phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự và các bị cáo Nguyễn Hoàng V, Lê Minh H, Nguyễn Văn H1, Lê Tấn D, Phạm Võ K, Trần H3, Trần Thanh B phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng, không oan. Các bị cáo không đồng ý hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Tại phiên tòa bị cáo Trần H3 có bổ sung kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt, áp dụng hình phạt tiền hoặc cho bị cáo hưởng án treo; bị cáo Lê Tấn D đề nghị áp dụng hình phạt tiền hoặc hưởng án treo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Các bị cáo Nguyễn Hoàng V, Lê Minh H, Võ Thành T, Nguyễn Văn H1, Lê Tấn D, Phạm Võ K, Trần H3, Trần Thanh B thực hiện

kháng cáo đúng quy định Bộ luật Tố tụng hình sự nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng thẩm quyền.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử: Các bị cáo Nguyễn Hoàng V, Lê Minh H về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm a, c, đ khoản 1 Điều 322 và tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; bị cáo Võ Thành T về tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Văn H1, Lê Tấn D, Phạm Võ K, Trần H3, Trần Thanh B, Lê Xuân V, Trần Quốc T3, Phan Tấn C2, Nguyễn Minh H6, Võ L5 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan. Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lê Tấn D, Trần H3, Trần Thanh B, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Trần Thanh B, Lê Minh H, Võ Thành T đã giao nộp số tiền đánh bạc và thu lợi bất chính; Phạm Võ K đang nuôi con và cha mẹ già 80 tuổi; Lê Tấn D có bà nội được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì, đây là các tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt: bị cáo Nguyễn H6 V 01 năm 6 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 6 tháng tù về tội “Đánh bạc”, bị cáo V kháng cáo xin hưởng án treo; bị cáo Lê Minh H 1 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 6 tháng tù về tội “Đánh bạc”, bị cáo H kháng cáo xin hưởng án treo; bị cáo Võ Thành T 6 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, bị cáo T kháng cáo đề nghị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ; bị cáo Nguyễn Văn H1 7 tháng tù về tội “Đánh bạc”, bị cáo H1 kháng cáo xin hưởng án treo; bị cáo Trần H3 8 tháng tù về tội “Đánh bạc”, bị cáo H3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, áp dụng hình phạt tiền hoặc hưởng án treo; Phạm Võ K 7 tháng tù về tội “Đánh bạc”, bị cáo K kháng cáo xin áp dụng hình phạt tiền hoặc hưởng án treo; Lê Tấn D 6 tháng tù về tội “Đánh bạc”, bị cáo D kháng cáo đề nghị áp dụng hình phạt tiền hoặc hưởng án treo; bị cáo Trần Thanh B 7 tháng tù về tội “Đánh bạc”, bị cáo B kháng cáo đề nghị áp dụng hình phạt tiền hoặc hưởng án treo.

Xét kháng cáo của các bị cáo thấy rằng:

- Đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng V và Nguyễn Minh H: Bị cáo V kháng cáo không bổ sung tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài các tình tiết mà cấp sơ thẩm đã áp dụng. Bị cáo H thì có bổ sung hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận chính quyền địa phương. Tuy nhiên, trong vụ án này các bị cáo V và H vi phạm cùng một lúc 2 tội, nên các bị cáo không đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định của Điều 65 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo V và H yêu cầu được hưởng án treo.

- Đối với các bị cáo Nguyễn Văn H1, Lê Tấn D và Trần Thanh B: Các bị cáo kháng cáo có bổ sung hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong

gia đình. Riêng bị cáo B có người thân có công Cách Mạng. Tuy nhiên, các bị cáo H1 và D đều có tiền sự về hành vi đánh bạc, bị cáo B thì chưa được xem là nhân thân tốt nên hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là tương xứng với hành vi của các bị cáo gây ra. Do đó, đề nghị Hội đồng xét không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo yêu cầu áp dụng hình phạt tiền hoặc cho hưởng án treo đối với các bị cáo.

- Đối với bị cáo Phạm Võ K: Bị cáo K kháng cáo có bổ sung tình tiết là hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ già yếu, là lao động chính trong gia đình là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên đối với bị cáo cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, cũng có khả năng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Võ K, giữ nguyên hình phạt và cho bị cáo K được hưởng án treo.

Đối với bị cáo Võ Thành T: Bị cáo T cũng có 01 tiền sự về đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Hành vi phạm tội của bị cáo với vai trò giúp sức cho bị cáo V và bị cáo H nên cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là tương xứng hành vi của bị cáo gây ra. Bị cáo kháng cáo nhưng không đến tham gia phiên tòa chứng tỏ bị cáo không T3 chí về yêu cầu kháng cáo của mình và bị cáo cũng không bổ sung tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài các tình tiết mà cấp sơ thẩm đã áp dụng, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo yêu cầu áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Trần H3: Bị cáo kháng cáo có bổ sung tình tiết mới là bị cáo có thành tích trong phong trào toàn dân bảo vệ Tổ quốc tại địa phương và được chính quyền địa phương tặng giấy khen là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên đối với bị cáo cần áp dụng hình phạt tiền cũng có khả năng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hiền, áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hoàng V, Lê Minh H, Võ Thành T, Nguyễn Văn H1, Lê Tấn D, Trần Thanh B, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2021/HS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, về hình phạt đối với các bị cáo. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm đ, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Võ K, Trần H3, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2021/HS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo K, nhưng cho hưởng án treo và xử phạt bị cáo Hiền 30.000.000 đồng.

Các bị cáo Nguyễn Hoàng V, Lê Minh H, Võ Thành T, Nguyễn Văn H1, Lê Tấn D, Trần Thanh B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Phạm Võ K, Trần H3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo biết mình vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo Nguyễn Hoàng V, Lê Minh H, Võ Thành T, Nguyễn Văn H1, Lê Tấn D, Phạm Võ K, Trần H3, Trần Thanh B kháng cáo trong thời hạn của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Võ Thành T vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của bị cáo Võ Thành T không trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 351 thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Các bị cáo Nguyễn Hoàng V, Lê Minh H, Võ Thành T, Nguyễn Văn H1, Lê Tấn D, Phạm Võ K, Trần H3, Trần Thanh B đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản án sơ thẩm đã nêu và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trước phiên tòa phúc thẩm, thể hiện: Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 02/2020 đến ngày bị bắt 19/4/2020, Nguyễn Hoàng V là người có tiền sự về hành vi tổ chức đánh bạc, đã cùng với Lê Minh H và Võ Thành T dùng điện thoại di động lôi kéo các đối tượng đến đánh bạc tại nhà của H và các chòi tôm bỏ hoang ở khu vực thuộc ấp 2, xã P, huyện C, nhằm thu lợi bất chính. Hình thức là chơi bài cào ba lá, làm cái xoay vòng, đặt mỗi ván từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng, ai làm cái thắng thì xâu mỗi ván từ 20.000 đồng đến 100.000 đồng. Trong quá trình tổ chức đánh bạc, Nguyễn Hoàng V và Lê Minh H hưởng lợi mỗi người 10.000.000 đồng; Võ Thành T tham gia 05 ngày hưởng lợi 750.000 đồng, riêng đêm 18 rạng sáng ngày 19/4/2020 T lấy tiền xâu được 850.000 đồng. Trong đêm 18/4/2020 rạng sáng ngày 19/4/2020 V, H và T tổ chức cho 12 đối tượng tham gia đánh bạc, trong đó V và H cũng tham gia đánh bạc, với tổng số tiền tham gia đánh bạc là 22.400.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Hoàng V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm a, c, đ khoản 1 Điều 322 và tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Lê Minh H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 322 và tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Võ Thành T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn H1, Lê Tấn D, Phạm Võ K, Trần

H3, Trần Thanh B, Lê Xuân V, Trần Quốc T3, Phan Tấn C2, Nguyễn Minh H6, Võ L5 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo: Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, các bị cáo thành khẩn khai báo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lê Tấn D, Trần H3, Trần Thanh B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Trần Thanh B, Lê Minh H, Võ Thành T đã giao nộp số tiền đánh bạc và thu lợi bất chính; Phạm Võ K đang nuôi con và cha mẹ già 80 tuổi; Lê Tấn D có bà nội được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì, đây là các tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt: Nguyễn Hoàng V 01 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo; bị cáo Lê Minh H 01 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, bị cáo H kháng cáo xin hưởng án treo; bị cáo Võ Thành T 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, bị cáo T kháng cáo đề nghị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ; bị cáo Nguyễn Văn H1 07 tháng tù về tội “Đánh bạc”, bị cáo H1 kháng cáo xin hưởng án treo; bị cáo Trần H3 08 tháng tù về tội “Đánh bạc”, bị cáo H3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, phạt tiền hoặc hưởng án treo; bị cáo Phạm Võ K 07 tháng tù về tội “Đánh bạc”, bị cáo K kháng cáo đề nghị áp dụng hình phạt tiền hoặc hưởng án treo; bị cáo Lê Tấn D 6 tháng tù về tội “Đánh bạc”, bị cáo D kháng cáo đề nghị áp dụng hình phạt tiền hoặc hưởng án treo; bị cáo Trần Thanh B 07 tháng tù về tội “Đánh bạc”, bị cáo B kháng cáo đề nghị áp dụng hình phạt tiền hoặc hưởng án treo. Thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc này là một trong các nguyên nhân phát sinh nhiều tội phạm khác, để lại hậu quả xấu cho xã hội. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, các bị cáo nhận thức được hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn thu lợi bất chính nhanh chóng mà các bị cáo bất chấp pháp luật. Mức hình phạt của cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi của từng bị cáo.

[3.1] Đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng V và Nguyễn Minh H: Các bị cáo là người đứng ra lôi kéo, tổ chức cho các bị cáo khác tham gia đánh bạc, để hưởng tiền thu lợi bất chính. Các bị cáo thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc trong thời gian dài, số tiền thu lợi bất chính lớn. Đối với bị cáo H kháng cáo có bổ sung hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận chính quyền địa phương. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo V và H vi phạm cùng một lúc 2 tội, nên các bị cáo không đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định của Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Do đó các bị cáo V và H yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo là không có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Đối với các bị cáo Nguyễn Văn H1, Phạm Võ K và Lê Tấn D: Các bị cáo kháng cáo có bổ sung hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình. Tuy nhiên, các bị cáo đều có nhân thân xấu, bị cáo H1 và bị cáo D có tiền sự về hành vi đánh bạc nên hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là tương xứng với hành vi của các bị cáo gây ra. Do đó, yêu cầu kháng cáo của các bị cáo H1, K, D không có căn cứ chấp nhận.

[3.3]. Đối với bị cáo Võ Thành T: Bị cáo T có 01 tiền sự về đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Hành vi phạm tội của bị cáo với vai trò giúp sức cho bị cáo V và bị cáo H nên cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là tương xứng hành vi của bị cáo gây ra. Bị cáo kháng cáo nhưng không bổ sung tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài các tình tiết mà cấp sơ thẩm đã áp dụng nên bị cáo yêu cầu áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là không có căn cứ.

[3.4] Đối với bị cáo Trần H3: Đối với bị cáo, ngày 18/4/2020 bị bắt quả tang lần phạm tội này lại tiếp tục có hành vi đánh bạc và bị xử lý hành chính vào ngày 16/6/2020, chứng tỏ bị cáo không ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với hành vi bị cáo gây ra. Tuy nhiên, bị cáo kháng cáo có bổ sung tình tiết mới là bị cáo có thành tích trong phong trào toàn dân bảo vệ Tổ quốc tại địa phương và được chính quyền địa phương tặng giấy khen là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng nên cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là có căn cứ.

[3.5] Đối với bị cáo Trần Thanh B: Bị cáo kháng cáo có cung cấp thêm tình tiết mới là hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi cha mẹ già và con còn nhỏ là lao động duy nhất trong gia đình; bị cáo có người thân là chú ruột là Liệt sĩ là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, không có tiền án tiền sự. Do đó, đối với bị cáo không cần áp dụng hình phạt tù mà áp dụng hình phạt tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự cũng có khả năng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Từ những phân tích trên, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hoàng V, Lê Minh H, Võ Thành T, Nguyễn Văn H1, Lê Tấn D, Phạm Võ K, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2021/HS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, về hình phạt đối với các bị cáo. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c, đ khoản 1 Điều 367 Bộ luật Tố tụng Hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần H3; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh B, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2021/HS-ST ngày 07 tháng

5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Trần H3 và áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo Trần Thanh B, là phù hợp.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các bị cáo Nguyễn Hoàng V, Lê Minh H, Võ Thành T, Nguyễn Văn H1, Lê Tấn D, Phạm Võ K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. Các bị cáo Trần H3, Trần Thanh B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

[6] Các khoản khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hoàng V, Lê Minh H, Võ Thành T, Nguyễn Văn H1, Lê Tấn D, Phạm Võ K. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2021/HS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An, về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng V, Lê Minh H, Võ Thành T, Nguyễn Văn H1, Lê Tấn D, Phạm Võ K.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c, điểm d Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần H3 và Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thanh B. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2021/HS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An, giảm hình phạt đối với bị cáo Trần H3 và áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo Trần Thanh B.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Hoàng V, Lê Minh H phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Đánh bạc”; bị cáo Võ Thành T phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Nguyễn Văn H1, Lê Tấn D, Phạm Võ K, Trần H3, Trần Thanh B phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17; 38; 50 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng V 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17; 38; 50 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng V 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, buộc bị cáo Nguyễn Hoàng V chấp hành hình phạt chung của hai tội là 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 50 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Minh H 01 (Một) năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 50 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Minh H 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, buộc bị cáo Lê Minh H chấp hành hình phạt chung của hai tội là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 50; khoản 2 Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Võ Thành T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17; 38; 50 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 50 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần H3 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 50 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Võ K 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 50 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Tấn D 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 35; 50 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Thanh B số tiền 25.000.000 (Hai mươi lăm T) đồng.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Các bị cáo Nguyễn Hoàng V, Lê Minh H, Võ Thành T, Nguyễn Văn H1, Lê Tấn D, Phạm Võ K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Trần H3, Trần Thanh B không phải chịu án phí.

3. Các khoản khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật sau khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long an;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Long An
- TAND cấp huyện;
- VKSND cấp huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Phụng